TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST–HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 01 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp : Ông Nguyễn Việt Tiến

Thư ký phiên họp : Bà Phan Thị Huyền − Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp : Ông Nguyễn Quỳnh Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2021/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu "*Công nhận thuận tình ly hôn*".

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Lê Thị N, sinh năm 1991.

HKTT: xã M, huyện P, tỉnh B.

Nơi làm việc: Công ty T, ngõ 49 N, phường T, tp.V, tỉnh Phú Thọ.

2/ Anh Đới Thanh Đ, sinh năm 1988.

HKTT: xã U, huyện K, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: 256 H, Y, 425-xxxxx, Nhật Bản.

(Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn của chị Lê Thị N và anh Đới Thanh Đ, chị N và anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Đới Thanh Đ kết hôn ngày 21/4/2014 tại UBND xã M, huyện P, tỉnh B. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống dần lạnh nhạt, mâu thuẫn kéo dài. Đến tháng 3/2016 anh Đ đi làm xa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, liên lạc với nhau ít dần. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, hòa giải nhưng không thành. Nay anh, chị đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đới Lê Thành T sinh ngày 22/3/2015. Khi ly hôn anh, chị thỏa thuận để chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N và anh Đ đều đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải đồng thời đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: công nhận chị Lê Thị N và anh Đới Thanh Đ thuận tình ly hôn. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Cháu T1 và chị L phải chịu lệ phí tòa án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đới Thanh Đ và chị Lê Thị N xác định anh Đ đang lao động tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có công văn gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh và đã có trả lời tại Công văn số 2231/QLXNC-P5 ngày 28/01/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an có nội dung anh Đới Thanh Đ đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Chị Lê Thị N có địa chỉ chỗ ở hiện tại và nơi làm việc tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ, đồng thời chị N và anh Đ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

Anh Đ và chị N đều đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh Đức, chị N theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa anh Đới Thanh Đ và chị Lê Thị N là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nguyên nhân là do khác biệt quan điểm sống, cuộc sống lạnh nhạt. Nay anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị N thỏa thuận giao con chung là cháu Đới Lê Thành T, sinh ngày 22/3/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh

Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm pháp luật và đã đảm bảo được quyền lợi của trẻ em nên cần công nhận sự thỏa thuận về con chung cho anh chị.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Đ và chị N đều xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn nên chị N chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 213, 361, 362, 367, 369 và Điều 370 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Đới Thanh Đ.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị N và anh Đới Thanh Đ về việc giao con chung là cháu Đới Lê Thành T, sinh ngày 22/3/2015 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Đới Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Đới Thanh Đ và chị Lê Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Anh Đới Thanh Đ và chị Lê Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0004335 ngày 26/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Việt Tiến